TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/DS-ST
Ngày 22-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 47/2021/QĐXXST–DS ngày 03 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Kl; địa chỉ trụ sở: Số số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạng Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Minh T, chức vụ: Tổ trưởng tín dụng của Phòng giao dịch Châu Đốc thuộc Ngân hàng Kl – chi nhánh An Giang; địa chỉ: số 26 Phan Văn Vàng, phường C B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, theo giấy ủy quyền ngày 30/12/2019 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 91, Quốc lộ 91, ấp Bình Hòa, thị trấn CD, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*:

+ Ông Lê Thanh N, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: ấp Mỹ Phó, xã MĐ, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp Thạnh Phú, xã TB, huyện Ct, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 6 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16 tháng 7 năm 2020 và các lần hòa giải, xét xử đại diện hợp pháp của nguyên đơn NHKL là ông Dương Minh T trình bày:

Ông Lê Thanh N và bà Phạm Thị Ngọc H có ký hợp đồng tín dụng với NHKL để vay số tiền 30.000.000 đồng, Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 139/17/HĐNT/1201-2207 ngày 23/5/2017 và Hợp đồng tín dụng từng lần số 328/18/HĐTD/1201-7177 ngày 27/11/2018, thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 27/11/2018 đến ngày 27/11/2019), lãi suất 13,5%/năm (được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng, loại lãnh lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 3,78%/năm. Lãi suất vay sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại Ngân hàng), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất lãi chậm trả là 10%/năm, phương thức thanh toán trả vốn cuối kì, trả lãi hàng tháng, mục đích vay là để bổ sung vốn mua bán tạp hóa.

Để đảm bảo cho hợp đồng hạn mức cấp tín dụng và hợp đồng tín dụng nêu trên ông N đã thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp số 139/17/HĐTC-BĐS/1201-2207 ngày 23/5/2017, đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ và có đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C. Tài sản thế chấp là đất thổ cư diện tích 136m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06547, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 21/11/2016 cho ông Lê Thanh N đứng tên, đất tọa lạc xã MĐ, huyện C, tỉnh An Giang.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông N và bà H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả vốn; trả lãi được 5.623.292 đồng. Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn vào ngày 28/11/2019. Tính đến ngày 22/3/2021, ông N, bà H còn nợ vốn 30.000.000 đồng, lãi trong hạn 0 đồng và lãi quá hạn 1.780.192 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 31.780.192 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông N, bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và tiền lãi phát sinh cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngoài ra, trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ thì Ngân hàng còn yêu cầu được quyền xử lý tài sản thế chấp để thi hánh án.

Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông N, bà H Tòa án đã triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng quy định nhưng vẫn vắng mặt không lý do, xem như từ bỏ quyền của mình, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Xét thấy Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 139/17/HĐNT/1201-2207 ngày 23/5/2017 và Hợp đồng tín dụng từng lần số 328/18/HĐTD/1201-7177 ngày 27/11/2018 giữa NHKL với ông N, bà H ký kết là được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự, nay ông N, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng, Ngân hàng yêu cầu thanh toán nợ và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với hợp đồng thế chấp mà các bên ký kết đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định, có công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo là phù hợp với quy định pháp luật nên Ngân hàng yêu cầu được quyền xử lý tài sản khi bị đơn không trả được nợ là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Đề nghị các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 139/17/HĐNT/1201-2207 ngày 23/5/2017 và Hợp đồng tín dụng từng lần số 328/18/HĐTD/1201-7177 ngày 27/11/2018; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; Giấy ủy quyền; Bảng tính lãi; bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06547; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ….

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp là tranh chấp dân sự - hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông N, bà H đã được Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra, giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác đúng quy định nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với ông N, bà H Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, theo đó đã nêu rõ nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn cùng các chứng cứ kèm theo nhưng ông N, bà H không khiếu nại, cũng không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Tòa án chấp nhận các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông N, bà H có ký Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 139/17/HĐNT/1201-2207 ngày 23/5/2017 và Hợp đồng tín dụng từng lần số 328/18/HĐTD/1201-7177 ngày 27/11/2018 với NHKL, để vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 27/11/2018 đến ngày 27/11/2019), lãi suất 13,5%/năm (được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng, loại lãnh lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 3,78%/năm. Lãi suất vay sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại Ngân hàng), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất lãi chậm trả là 10%/năm, phương thức thanh toán trả vốn cuối kì, trả lãi hàng tháng, mục đích vay là để bổ sung vốn mua bán tạp hóa.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông N, bà H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả vốn và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tính đến ngày 22/3/2021 ông N, bà H còn nợ Ngân hàng vốn, lãi là 31.780.192 đồng (trong đó vốn 30.000.000 đồng, lãi quá hạn 1.780.192 đồng).

Nay NHKL yêu cầu ông N, bà H cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi nêu trên và yêu cầu ông N, bà H phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên vốn gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết kể từ ngày 23/3/2021 cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền vốn, lãi.

Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu nếu ông N, bà H không trả hoặc trả không đầy đủ vốn, lãi cho Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để thi hành án.

Xét Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 139/17/HĐNT/1201-2207 ngày 23/5/2017 và Hợp đồng tín dụng từng lần số 328/18/HĐTD/1201-7177 ngày 27/11/2018, Hội đồng xét xử nhận định: Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa ông N, bà H với NHKL là ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình

thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 385, Điều 398, Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đồng thời, quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Do ông N, bà H vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu thanh toán vốn, lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét Hợp đồng thế chấp số 139/17/HĐTC-BĐS/1201-2207 ngày 23/5/2017, Hội đồng xét xử nhận định: Khi ký kết hợp đồng thế chấp các bên giao dịch đã thực hiện đúng trình tự thủ tục về công chứng hợp đồng và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan đăng ký đất đai theo quy định tại Điều 124 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai 2013 và điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số: 83/2010/NĐ-CP, ngày 23/7/2010 của Chính Phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm, nên là hợp đồng hợp pháp được pháp luật công nhận. Do đó, Ngân hàng yêu cầu được quyền xử lý tài sản khi bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu được chấp nhận toàn bộ nên NHKL được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Do vi phạm nghĩa vụ nên ông N, bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền buộc trả cho Ngân hàng.

[4] Chi phí tố tụng khác: Về chi phí xem xét thẩm định tại là 500.000 đồng. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông N, bà H phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ, NHKL đã tạm ứng, nên buộc ông N, bà H phải có trách nhiệm hoàn trả lại NHKL số tiền 500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 385, Điều 398, Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NHKL đối với bị đơn ông Lê Thanh N, bà Phạm Thị Ngọc H.

- Buộc ông Lê Thanh N, bà Phạm Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho NHKL số tiền vốn, lãi tính đến ngày 22/3/2021 là 31.780.192 đồng (trong đó vốn 30.000.000 đồng, lãi quá hạn 1.780.192 đồng).

- Ông Lê Thanh N, bà Phạm Thị Ngọc H còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền gốc 30.000.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết kể từ ngày 23/3/2021 cho đến khi trả xong khoản nợ.

- Trường hợp ông Lê Thanh N, bà Phạm Thị Ngọc H không trả được khoản nợ nêu trên cùng lãi phát sinh thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thi hành án. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 139/17/HĐTC-BĐS/1201-2207 ngày 23/5/2017 được ký kết giữa ông Lê Thanh N, bà Phạm Thị Ngọc H với NHKL.

2. Về án phí:

Ông Lê Thanh N, bà Phạm Thị Ngọc H phải chịu 1.589.000. đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHKL được nhận lại 768.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0003582 ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về chi phí tố tụng khác: Buộc Ông Lê Thanh N, bà Phạm Thị Ngọc H phải hoàn trả lại cho NHKL số tiền 500.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Tuấn **Trương Thị Thu Thủy** **Lê Thị Hồng Thi**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Giữ **Nguyễn Hoàng Tuấn** **Lê Thị Hồng Thi**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về "T/c về ly hôn", giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984
2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: "tranh chấp về ly hôn": Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình | Huỳnh Công Tấn | Ngô Ngọc Phỉ